TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-10-2023
V/v: "Ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trương Đình T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hà Toàn Thắng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiển.

2. Bà Nguyễn Thị Nhiễu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Doãn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn P1, xã P, huyện V, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Trương Đình T**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện V, tỉnh T.

(*Chị M, anh T đều có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 3 năm 2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày****:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Đình T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh T vào ngày 04 tháng 12 năm 2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời, nợ nần. Tháng 12 năm 2020, chị về nhà mẹ đẻ tại thôn Thôn P1, xã P, huyện V, tỉnh T sinh sống. Chị và anh T ly thân từ thời điểm đó. Từ ngày ly thân chị và anh T không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương Đình T.

Về con chung: Chị và anh Trương Đình T có 03 con chung là Trương Ngọc D, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2013; Trương Đức K, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2016 và Trương Ngọc C, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2018. Ly hôn, chị xin nuôi 02 con chung Trương Ngọc D và Trương Ngọc C, giao cho anh Trương Đình T nuôi con Trương Đức K. Chị không yêu cầu anh Trương Đình T cấp dưỡng nuôi 02 con D, và C. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty may TAV LIMITTED, thu nhập ổn định từ 9 triệu đến 9,5 triệu đồng/1 tháng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Trương Đình T trình bày***:

Anh và chị Nguyễn Thị M tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện V, tỉnh T vào ngày 04 tháng 12 năm 2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến tháng 10 năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Tháng 12 năm 2020, chị M tự ý đưa con về nhà mẹ đẻ chị M sinh sống. Anh chị sống ly thân từ thời điểm đó. Nay chị M xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị M có 03 con chung là Trương Ngọc D, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2013; Trương Đức K, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2016 và Trương Ngọc C, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2018. Ly hôn, anh xin nuôi cả 03 con chung. Tại phiên tòa, anh thay đổi quan điểm: Trường hợp chị M không đồng ý giao cho anh nuôi cả 03 con chung, anh xin nuôi 02 con Trương Ngọc D và Trương Đức K, đồng ý giao cho chị May nuôi con Trương Ngọc C. Anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh làm phát triển thị trường, thu nhập từ 10 đến 16 triệu đồng/1 tháng. Tuy nhiên anh không có căn cứ chứng minh về công việc và thu nhập để giao nộp cho Tòa án.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản xác minh ngày 19 tháng 9 năm 2023, đại diện UBND xã P, huyện V, tỉnh T và cơ sở thôn cung cấp như sau***: Chị Nguyễn Thị M và anh Trương Đình T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện V, tỉnh T . Sau khi kết hôn anh chị chung sống khoảng 06 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và do anh T nợ nần, có tín dụng đen đến nhà đòi tiền anh T. Anh chị ly thân từ năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh T, quan điểm của địa phương, đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của anh chị và quy định của pháp luật để giải quyết. Chị Nguyễn Thị M và anh Trương Đình T có 03 con chung là Trương Ngọc D, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2013; Trương Đức K, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2016 và Trương Ngọc C, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2018. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị M và anh T ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật và điều kiện của chị M, anh T để giao con phù hợp. Gia đình anh T thuộc hộ cận nghèo, anh T hiện đang sống cùng bố mẹ, bố anh T bị tai biến, không có thu nhập, mẹ anh T đi làm phụ hồ, bản thân anh T lao động tự do, thu nhập không ổn định. Anh T và chị M không có tài sản chung tại địa phương.

**** Tại bản tự khai, cháu Trương Ngọc D trình bày***: Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với mẹ là chị M.

**** Tại bản tự khai, cháu Trương Đức K trình bày*:** Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với bố là anh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 24; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trương Đình T.

Về con chung: Anh Trương Đình T và chị Nguyễn Thị M có 03 con chung là Trương Ngọc D, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2013; Trương Đức K, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2016 và Trương Ngọc C, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2018. Ly hôn, giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Trương Ngọc D và Trương Ngọc C, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Trương Đức K. Chấp nhận

việc anh T và chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện xin ly hôn, đề nghị giải quyết về con chung với anh Trương Đình T, anh Trương Đình T cư trú tại thôn Đ, xã P, huyện V, tỉnh T. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trương Đình T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Anh chị đã có thời gian dài sống ly thân và cả hai đều xác định tình cảm không còn, thống nhất ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã căng thẳng, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trương Đình T.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét điều kiện của chị M và anh T thì thấy: Chị M có công việc, có thu nhập đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Anh T không giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con. Qua xác minh tại địa phương, thể hiện: Gia đình anh T thuộc hộ cận nghèo, bố bị tai biến, anh T lao động tự do, thu nhập không ổn định. Như vậy, chị M có điều kiện nuôi con tốt hơn anh T. Mặt khác, cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu K có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trương Ngọc D và Trương Ngọc C, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Trương Đức K là phù hợp. Chị M, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[2.3] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị M và anh Trương Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M và anh Trương Đình T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trương Đình T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Trương Đình T có 03 con chung là Trương Ngọc D, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2013; Trương Đức K, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2016 và Trương Ngọc C, sinh ngày 18 tháng 3 năm 2018. Xử giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Trương Ngọc D và Trương Ngọc C, giao cho anh Trương Đình T trực tiếp nuôi dưỡng con Trương Đức K. Chị Nguyễn Thị M và anh Trương Đình T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị Nguyễn Thị M và anh Trương Đình T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị M và anh Trương Đình T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền thu tạm ứng án phí tại biên lai số 0001886 ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình do chị M nộp sang thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M và anh Trương Đình T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 31-10-2023).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- UBND xã P, huyện V;
- Lưu: HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hà Toàn Thắng